

PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo Công văn mời chào giá số 103/H. /BVĐHYD-VTTB)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm thủy phân hàm lượng đạm cao năng lượng cao	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 135 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 6.0 g - Chất bột đường: Tối đa 19.0 g - Chất béo: Tối thiểu 5 g - Thành phần: + Đạm sữa thủy phân + Chất béo MCT - Hạn sử dụng: Tối thiểu 16 tháng	200ml/chai nhựa	Chai nhựa	1.000
2.	Sản phẩm dinh dưỡng có HMB	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 135 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 8 g - HMB: Tối thiểu 0.4 g - Chất xơ: Tối thiểu 0.6 g - Thành phần: Đạm sữa, đạm đậu nành tinh chế, dầu thực vật (không có dầu cọ, dầu dừa), CaHMB, chất xơ (FOS) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	220ml/chai nhựa	Chai nhựa	2.000
3.	Sản phẩm dinh dưỡng giàu béo omega 3	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 gam bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 360 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 19g - DHA: Tối thiểu 0.5g - EPA: Tối thiểu 1g - Chất bột đường: Tối đa 70g - Thành phần: Maltodextrin, đạm sữa tinh chế, dầu cá biển - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	380g/hộp thiếc	Hộp thiếc	150
4.	Sữa cho trẻ sinh non, nhẹ cân từ 0-12 tháng tuổi	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 66 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 1.8 g - Chất béo: Tối đa 5.0 g - Chất bột đường: Tối đa 9g - Thành phần sữa không béo, siro bắp dạng rắn, dầu đậu nành, lactose, dầu MCT (Triglycerid chuỗi trung bình) đạm whey cô đặc - Hạn sử dụng: Tối thiểu 09 tháng	59ml/ống nhựa	Ống nhựa	1.500
5.	Sản phẩm bổ sung dinh dưỡng dành cho người bệnh đái tháo đường	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.	400g/hộp thiếc	Hộp thiếc	200

ĐẠI HỌC

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 430 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 17 g - Chất bột đường: Tối đa 55 g - Inositol: Tối thiểu 1.400 mg - Thành phần: Dầu thực vật (không có dầu cọ, dầu dừa), đạm (đạm đậu nành hoặc đạm sữa) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng			
6.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm thủy phân (sản phẩm dinh dưỡng y học)	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 350 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 14 g - Chất bột đường: Tối đa 70 g - Thành phần: + Đạm Whey thủy phân bằng enzym (tối thiểu 20%) + Chất béo MCT: Tối thiểu 10 g - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	400g/hộp	Hộp	5.000
7.	Sản phẩm dinh dưỡng tăng cường miễn dịch	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 gam bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 330 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 18 g - MCT: Tối thiểu 2.4 g - Omega 3: Tối thiểu 0.88 g - L-arginin: Tối thiểu 3600 mg - Nucleotides: Tối thiểu 320 mg - Thành phần: Maltodextrin, đạm whey, dầu cá, L-arginin, dầu triglycerid chuỗi trung bình - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	370g/hộp	Hộp	120
8.	Thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế đặc biệt	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100gram bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 244 kcal - Carbohydrat: Tối thiểu 56 g - Chất xơ: Tối thiểu 22 g - Natri: Tối thiểu 848 mg - Kali: Tối thiểu 32 0mg - Thành phần: Maltodextrine (Từ ngô và khoai tây), chất làm dày Gôm Xanthan, Kali clorid. - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	125g/hộp	Hộp	160
9.	Sản phẩm dinh dưỡng nuôi ăn bổ sung xơ tan	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Chất béo từ dầu: Tối thiểu 2 g - Chất đạm (protein sữa+protein đậu nành): Tối thiểu 3.5 g - Chất bột đường (Maltodextrin, tinh bột): Tối đa 15 g - Thành phần:	500ml/chai	Chai	600

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		+ Đạm sữa, đạm đậu nành + Xơ tan (Inulin): ≥ 0.8 g + MCT (medium chain triglycerides) + Dầu cá - Tiêu chuẩn khác: Có cam kết cung cấp đầy đủ phù hợp với chai nuôi ăn - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng			
10.	Sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng giàu đạm kiểm soát kali	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 160 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 6 g - K (Potassium): Tối đa 128 mg - Thành phần: + Maltodextrin, dầu hạt cải, dầu hướng dương, protein sữa - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	200ml/chai	Chai	500
11.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm đặc đậu nành	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 380 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 14 g - Chất bột đường: Tối đa 70 g - Thành phần: + Đạm đậu nành (không chứa đạm sữa) + Chất béo thực vật MCT (medium chain triglycerides) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	400g/lon thiếc	Lon	2.400
12.	Sản phẩm bột dinh dưỡng cao năng lượng (ngũ cốc)	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 380 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 14 g - Chất bột đường: Tối đa 75 g - Thành phần: Gạo, bột mỳ đại mạch, đậu nành, đậu xanh - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	400g /hộp	Hộp	3.800
13.	Sản phẩm bột dinh dưỡng cao năng lượng giàu chất xơ (ngũ cốc)	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 380 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 15 g - Chất bột đường: Tối đa 70 g - Thành phần: Đậu nành, đậu xanh nguyên vỏ, gạo lứt, bột mỳ đại mạch - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	400g /hộp	Hộp	2.000
14.	Sản phẩm bột men tiêu hóa	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Hàm lượng Amylase: >200 U/g - Thành phần: 100% bột mỳ đại mạch có amylase - Hạn sử dụng: Tối thiểu 6 tháng	120g/lọ	Lọ	170
15.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm whey	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty.	300g/lon	Lon	1.050

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 380 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 75 g - Chất bột đường: Tối đa 8.5 g - Thành phần: Đạm Whey tinh chế (80%) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng			
16.	Sản phẩm dinh dưỡng giảm đạm	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 400 kcal - Chất đạm: Tối đa 1 g - Chất béo: 16 - 18 g - K (Potassium): Tối đa 375 mg - Thành phần: + Đạm sữa hoặc có chứa các acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Methionin) + Đường hấp thu chậm Palatinose (Isomaltulose) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	400g/lon	Lon	1.200
17.	Sản phẩm dinh dưỡng giàu đạm	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 400 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 16 g - Chất béo: 15 - 17 g - K (Potassium): Tối đa 375 mg - Thành phần: + Đạm sữa hoặc có chứa các acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Methionin) + Đường hấp thu chậm Palatinose (Isomaltulose) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	400g/lon	Lon	250
18.	Sản phẩm dinh dưỡng nuôi ăn dành cho đối tượng không dung nạp đạm sữa, cần tăng đạm	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 100 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 5 g - Chất béo: Tối thiểu 3g - Thành phần: Ưc gà phi lê, gạo lứt, đậu xanh, chất xơ inulin, dầu đậu nành - Hạn sử dụng: Tối thiểu 6 tháng	250ml/hộp	Hộp	600
19.	Sản phẩm dinh dưỡng nuôi ăn dành cho đối tượng không dung nạp đạm sữa	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 95 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 4 g - Peptid: Tối thiểu 4 g - Chất béo: Tối thiểu 3g - Thành phần: Thịt heo nạc, gạo, khoai tây, dầu đậu nành, protein đậu nành, MCT, không có đạm sữa - Hạn sử dụng: Tối thiểu 6 tháng	237ml/hộp	Hộp	2.000

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
20.	Bột cô đặc thực phẩm	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: + Năng lượng: Tối thiểu 270 kcal + Protein: Tối đa 0.5 g + Chất béo: 0 g + Đường: Tối thiểu 67 g + Chất xơ thực vật: Tối thiểu 21.9 g + Lượng nước: 6. 1g + Lượng muối tương đương: 2.4 g - Thành phần: Dextrin (INS1400), Xanthan gum (INS415), Calcium lactate (INS327), Trisodium citrate (INS331(iii)) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 18 tháng	3g/gói, 50 gói/hộp	Hộp	160
21.	Sản phẩm dinh dưỡng dùng pha chế súp dành cho người bệnh đái tháo đường	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp qui định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 350 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 17 g - Chất bột đường: Tối đa 65 g - Chỉ số đường huyết GI ≤ 40 - Thành phần: Đường hấp thu chậm Palatinose hoặc Isomaltulose - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	900 gr/hộp	Hộp	200
22.	Sữa sử dụng cho trẻ sơ sinh từ 0-6 tháng tuổi	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp qui định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 500 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 9 g - Chất béo: 26 - 30 g - Acid Linoleic: 3.5 - 5 g - HMO: Tối thiểu 500 mg - Thành phần: Latose, dầu thực vật, đạm whey thủy phân một phần, có ARA và DHA, HMO (2'-O-Fucosylactose/Difucosyllactose/Lacto-N-tetraose/6'-O-Sialyllactose, 3'-O-Sialyllactose) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 18 tháng	400g/lon	Lon	150
23.	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho bệnh thận mạn	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp qui định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 160 kcal - Chất đạm: Tối đa 4 g - Chất béo: Tối thiểu 7 g - MCT: Tối thiểu 1.5 g - K (Potassium): Tối đa 180mg - Phot pho: Tối đa 100 mg - Thành phần: Isomaltulose (nguồn cung cấp glucose và fructose), dầu thực vật (dầu hạt cải, dầu hướng dương), đạm sữa, chất béo chuỗi trung bình (MCT). - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	200ml/ chai	Chai	500
24.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm nhánh	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp qui định an toàn thực phẩm.	10 gói/ hộp	Hộp	50

VIỆN
Y HỌC
NHIỆM
TP HỒ

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 330 kcal - Chất béo: 5 - 9 g - Chất đạm: tối thiểu 20 g - Valin: 2.6 - 4 g - Leusin: 3.2 - 5 g - Isoleusin: 2.8 - 4.5 g - Thành phần: Acid amin (13%), maltodextrin, dầu - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng			
25.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm cao, năng lượng cao	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bán công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 160 kcal - Chất béo: 6 - 10 g - Chất đạm: 7 - 13 g - Acid béo không bão hòa đơn: 4 - 8 g - Acid béo không bão hòa đa: 0.5 - 2 g - Bột đường: 15 - 30 g - Thành phần: Maltodextrin, protein sữa, dầu thực vật, (dầu hướng dương, dầu hạt cải), inulin - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	200ml/ chai	Chai	400
26.	Sản phẩm bổ sung dinh dưỡng dành cho bệnh đái tháo đường pha sẵn	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bán công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 120 kcal - Chất béo: Tối đa 9.5 g - Acid béo bão hòa tối đa: 2.2 g - Chất đạm: Tối thiểu 5 - Bột đường: Tối đa 17.5 g - Đường: Tối đa 3.25 g - Cholesterol: Tối đa 10 mg - Lactose: Tối đa 0.5g - Thành phần: Maltodextrin, protein sữa, dầu thực vật, (dầu hướng dương, dầu hạt cải), inulin - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	200 ml/ chai	Chai	300
27.	Thực phẩm dinh dưỡng tăng cường miễn dịch bổ sung Glutamin	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bán công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Glutamin: Tối thiểu 30 g - Chất béo: Tối đa 1 g - Lactose: Tối đa 1 g - Vitamin C: 0.5g - 1.6 g - Vitamin E: 220 mg - 520 mg - Thành phần: Glutamin, đường, chất xơ, vitamin C, vitamin E - Hạn sử dụng: Tối thiểu 18 tháng	22.4 g/ gói	Gói	315
28.	Thực phẩm dinh dưỡng tăng cường miễn dịch bổ sung Arginin	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm: Có giấy tiếp nhận đăng ký bán công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Arginin: Tối thiểu 16g	22.5 g/ gói	Gói	315

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		- Glutamin: Tối thiểu 16g - Kẽm: Tối thiểu 10g - Thành phần: Glutamin, Arginin, Kẽm - Hạn sử dụng: Tối thiểu 18 tháng			
29.	Sản phẩm dinh dưỡng cho bệnh lý gan mật	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 320 kcal - Chất đạm: Tối thiểu 12 g - Chất béo: Tối đa 25 g - Chất bột đường: Tối đa 80 g - Thành phần: + Đạm Whey MCT (medium chain triglycerides) + Acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Methionin) - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	400g/Lon	Lon	90
30.	Sản phẩm bột Maltodextrin	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có bản tự công bố sản phẩm của Công ty. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm : - Chỉ tiêu cảm quan: Dạng bột mịn, tơi, không vón cục - Hàm lượng Carbohydrate: Tối thiểu 85% - Thành phần: Tối thiểu 90% carbohydrate là maltodextrin - Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất	400g/lon	Lon	900
31.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm cao, năng lượng cao	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml dung dịch bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 230 kcal - Chất béo: Tối đa 10 g - Chất đạm: Tối thiểu 12 g - Bột đường: Tối thiểu 24 g - Thành phần: đậm sữa, maltodextrin, sucrose, dầu thực vật (không có dầu cọ), không chứa lactose - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	125ml/chai	Chai	200
32.	Bột MCT	1. Tiêu chuẩn chất lượng: Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột bao gồm: - Năng lượng: Tối thiểu 730 kcal - Chất béo: Tối thiểu 67% - Thành phần: MCT - Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng	1 gói/hộp	200g/hộp	